TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13-4-2022
V/v: Ly hôn giữa anh Trần Quang D và chị Vũ Thị A

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Thoan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Sang;

2. Bà Nguyễn Thị Nhiễu.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 234/2021/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 về *"Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXX - ST ngày 21 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐXX - ST ngày 06 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Quang D, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Chị Vũ Thị A, sinh năm 1994;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Thái Bình; Nơi ở hiện nay: Thôn X, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Anh D và chị A có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 12 năm 2021; bản tự khai đề ngày 28 tháng 12 năm 2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Trần Quang D trình bày:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị A kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký tại UBND xã L, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 26 tháng 7 năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ những bất đồng trong việc làm ăn và sinh hoạt. Đầu tháng 01 năm 2020, hai bên xảy ra bất hòa, chị A tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Được một thời gian, nhờ có gia đình khuyên bảo nên chị A lại quay về. Tuy nhiên, đến tháng 8/2020, anh phát hiện chị A có những biểu hiện của sự không chung thủy. Anh cùng gia đình đã khuyên bảo chị A nhưng chị A không thay đổi mà lại tiếp tục bỏ về nhà mẹ đẻ ở cho đến nay. Gia đình hai bên đã kết hợp bảo ban chị A nhưng không có kết quả. Do đó, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị A không còn nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Vũ Thị A.

1.2 Về quan hệ con chung: Anh và chị A có 03 con chung là Trần Thị Ngọc A1, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2014; Trần Gia B, sinh ngày 28 tháng 01 năm 2016 và Trần Quang V, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2018. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, anh xin nuôi cả 03 con và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, anh D thay đổi quan điểm. Anh đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Gia B và Trần Quang V; giao cho chị A nuôi dưỡng con Trần Thị Ngọc A1. Anh D không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con Trần Gia B và Trần Quang V. Hiện anh làm nghề buôn bán cây cảnh tại địa phương, thu nhập khoảng 20 triệu đồng/tháng.

1.3 Về quan hệ tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng. Vợ chồng anh không có khoản nợ chung nên chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Văn bản ghi ý kiến đề ngày 28 tháng 12 năm 2021 và tại phiên tòa, bị đơn là chị Vũ Thị A trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa chị và anh D đúng như anh D đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến cuối năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn do anh D đánh đập chị. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn X, xã T sinh sống. Chị và anh D đã sống ly thân nhau, không ai còn

tình cảm với ai. Mặc dù gia đình hai bên có can thiệp nhưng không giải quyết được mâu thuẫn của vợ chồng chị. Anh D cũng không một lần tìm gọi chị quay về. Nay anh D khởi kiện xin ly hôn chị, chị đồng ý ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 03 con chung như anh D trình bày. Tại văn bản trình bày ý kiến và trong quá trình giải quyết vụ án, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 03 con chung. Nhưng tại phiên tòa, chị Athay đổi quan điểm. Chị đề nghị Tòa án giao cho chị nuôi dưỡng 02 chung là Trần Thị Ngọc A1 và Trần Quang V; giao cho anh D nuôi dưỡng con Trần Gia B. Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con A1 và con V. Hiện chị kinh doanh mặt hàng may mặc tại thôn X, xã T. Thu nhập khoảng 20-30 triệu đồng/tháng.

Về tài sản: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, đại diện UBND xã và cơ sở thôn B cung cấp như sau: Giữa anh D và chị A xảy ra mâu thuẫn đã nhiều năm nay. Đến khoảng cuối năm 2020, chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống còn anh D hiện sinh sống tại nhà mẹ đẻ là bà Vũ Thị Yến ở thôn B, xã L. Nay anh D xin ly hôn chị A, địa phương xét thấy anh chị khó có khả năng hàn gắn để đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ con chung: Nếu anh D và chị A ly hôn đề nghị Tòa án xem xét giao con chung theo nguyện vọng của các bên, nguyện vọng của con chung và theo quy định của pháp luật. Anh D hiện làm nghề buôn bán cây cảnh ở địa phương, chị Akinh doanh mặt hàng quần áo ở xã T. Thu nhập cụ thể của anh D và chị A, địa phương không nắm được. Hai bên đều có điều kiện để nuôi con.

Về tài sản: Địa phương không nắm được cụ thể về tài sản chung và khoản nợ chung của vợ chồng anh D, chị A. Tại địa phương, vợ chồng không có khoản vay nợ của tổ chức xã hội nào. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, đại diện UBND xã cung cấp như sau: Khoảng 02 năm trở lại đây, chị Ađã về nhà bố mẹ đẻ là ông Vũ Duy T và bà Hoàng Thị H ở thôn X, xã T sinh sống. Tại địa phương, chị A làm chủ 01 cơ sở may mặc và kinh doanh buôn bán quần áo tại nhà bố mẹ đẻ. Bản thân chị A và ông T, bà H đều là những công dân tốt, chấp hành đầy đủ các quy định của địa phương, chua từng xảy ra vi phạm gì. Địa phương nhận thấy chị Acó

nhà cửa ổn định, có điều kiện kinh tế để đảm bảo cho việc nuôi con. Đề nghị Tòa án giải quyết việc giao con chung cho người nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện V phát biểu quan điểm***:

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, thư ký phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị:

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho anh Trần Quang D và chị Vũ Thị A được ly hôn.

+ Quan hệ con chung: Xử giao cho anh Trần Quang D nuôi dưỡng con Trần Gia B, sinh ngày 28 tháng 01 năm 2016; giao cho chị Vũ Thị A nuôi dưỡng con Trần Thị Ngọc A1, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2014 và Trần Quang V, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2018. Anh D, chị Ađều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết.

+ Quan hệ tài sản: Do anh D và chị A đều không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

+ Án phí: Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Quang D có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Vũ Thị A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Thái Bình, hiện sinh sống tại thôn X, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vì vậy, căn cứ vào

khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

2. Về nội dung:

[**2.1**] **Quan hệ hôn nhân**: Anh Trần Quang D và chị Vũ Thị A đăng ký tại UBND xã L, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 26 tháng 7 năm 2013 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do lối sống khác nhau và những bất đồng trong sinh hoạt. Vợ chồng thiếu sự tin tưởng đối với nhau nhưng không có biện pháp gì để giải quyết nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh D và chị A hiện đã sống ly thân nhau, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Hai bên đều xác định: Vợ chồng mâu thuẫn đã lâu và không ai mong muốn đoàn tụ. Qua xác minh tại UBND xã L cũng thể hiện: Vợ chồng anh D, chị A không có khả năng hàn gắn để tiếp tục chung sống.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của anh D và chị A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho anh D và chị A ly hôn.

[2.2] Quan hệ con chung: Hiện cả 03 con chung của anh D và chị A đều chưa thành niên. Anh D đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi dưỡng 02 chung là Trần Gia B và Trần Quang V, giao cho chị A nuôi dưỡng con Trần Thị Ngọc A1. Chị A xin nuôi dưỡng con Trần Quang V và con Trần Thị Ngọc A1, đề nghị Tòa án giao cho anh D nuôi dưỡng con Trần Gia B. Nhận thấy, anh D và chị A đều có công việc và có thu nhập để đảm bảo cho việc nuôi con. Chị A hiện có nhà ở ổn định, có điều kiện về kinh tế, có sự hỗ trợ của gia đình trong việc nuôi con. Điều này được chính quyền địa phương nơi chị A đang cư trú xác nhận. Tòa án đã yêu cầu anh D cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh mức thu nhập và điều kiện nuôi con nhưng anh D không cung cấp được. Nguyện vọng của con Trần Thị Ngọc A1: Sau khi bố, mẹ ly hôn, cháu xin ở cùng với mẹ phù hợp với nguyện vọng của chị Anh. Con Trần Gia B hiện đang sinh sống cùng anh D tại nhà mẹ đẻ của anh D. Còn con Trần Quang Vũ hiện còn nhỏ, rất cần sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của người mẹ. Bản thân anh D và chị A đều thừa nhận, chị A vẫn thường xuyên đi lại thăm nom, chăm sóc cho con Trần Quang V. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con chung cần căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần giao cho anh Trần Quang D nuôi dưỡng con Trần Gia B; giao cho chị Vũ

Thị A nuôi dưỡng con Trần Thị Ngọc A1 và Trần Quang V là phù hợp. Anh D và chị A đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[**2.3**] **Quan hệ tài sản**: Do chị Avà anh D đều không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Anh D và chị A có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn khi cần thiết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh D phải chịu 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Xử cho anh Trần Quang D và chị Vũ Thị A ly hôn.

2. **Về quan hệ con chung:** Xử giao cho anh Trần Quang D nuôi dưỡng con Trần Gia B, sinh ngày 28 tháng 01 năm 2016; giao cho chị Vũ Thị A nuôi dưỡng con Trần Thị Ngọc A1, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2014 và Trần Quang V, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2018. Anh D và chị A đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết.

Anh D, chị A có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh D, chị A có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi cần thiết.

3. **Về chia tài sản chung:** Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Anh Trần Quang D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh D đã nộp tại biên lai số 0001002 ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh Trần Quang D và chị Vũ Thị A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 13 tháng 4 năm 2022).

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã L, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Bùi Thị Thoan